



Số: 10/2026/CBTT-HVS

(V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 Phố Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 38869999 Fax: (84-24) 36888886
- Người thực hiện công bố thông tin: **Vân Lê Hằng** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán HVS Việt Nam (Công ty) công bố Báo cáo thường niên năm 2025 (Chi tiết tại file đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/04/2026 tại đường dẫn <https://hsvivn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP/.

Người thực hiện công bố thông tin

Chủ tịch HĐQT

Vân Lê Hằng



Số: 02-2026/HVS

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

I. TỔNG QUAN CÔNG TY

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam
- Tên viết tắt: HVS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0306353700 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/12/2008, thay đổi lần thứ 14 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2025
- Vốn điều lệ: 300.195.980.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Website: <https://hvs.vn>
- Mã cổ phiếu: không
- **Quá trình hình thành và phát triển**
 - **Năm 2008:** Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Vương (HVS), hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008. Trụ sở chính tại: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, với số vốn điều lệ là 50.200.000.000 đồng;
 - **Năm 2014:** Đổi tên thành: Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam và chuyển địa điểm trụ sở chính về: Tầng 1 Cao ốc văn phòng Saigon Prime, số 107 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - **Năm 2020:** Chuyển địa điểm trụ sở chính về: Số 31 đường số 9, Khu dân cư Nam Long, Tổ 7B, Khu phố 1, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - **Năm 2024:** Chuyển địa điểm trụ sở chính về: Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
 - **Năm 2025:**
 - + Tăng vốn điều lệ lên 300.195.980.000 đồng
 - + Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới Chứng khoán, Tự doanh chứng khoán

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính:

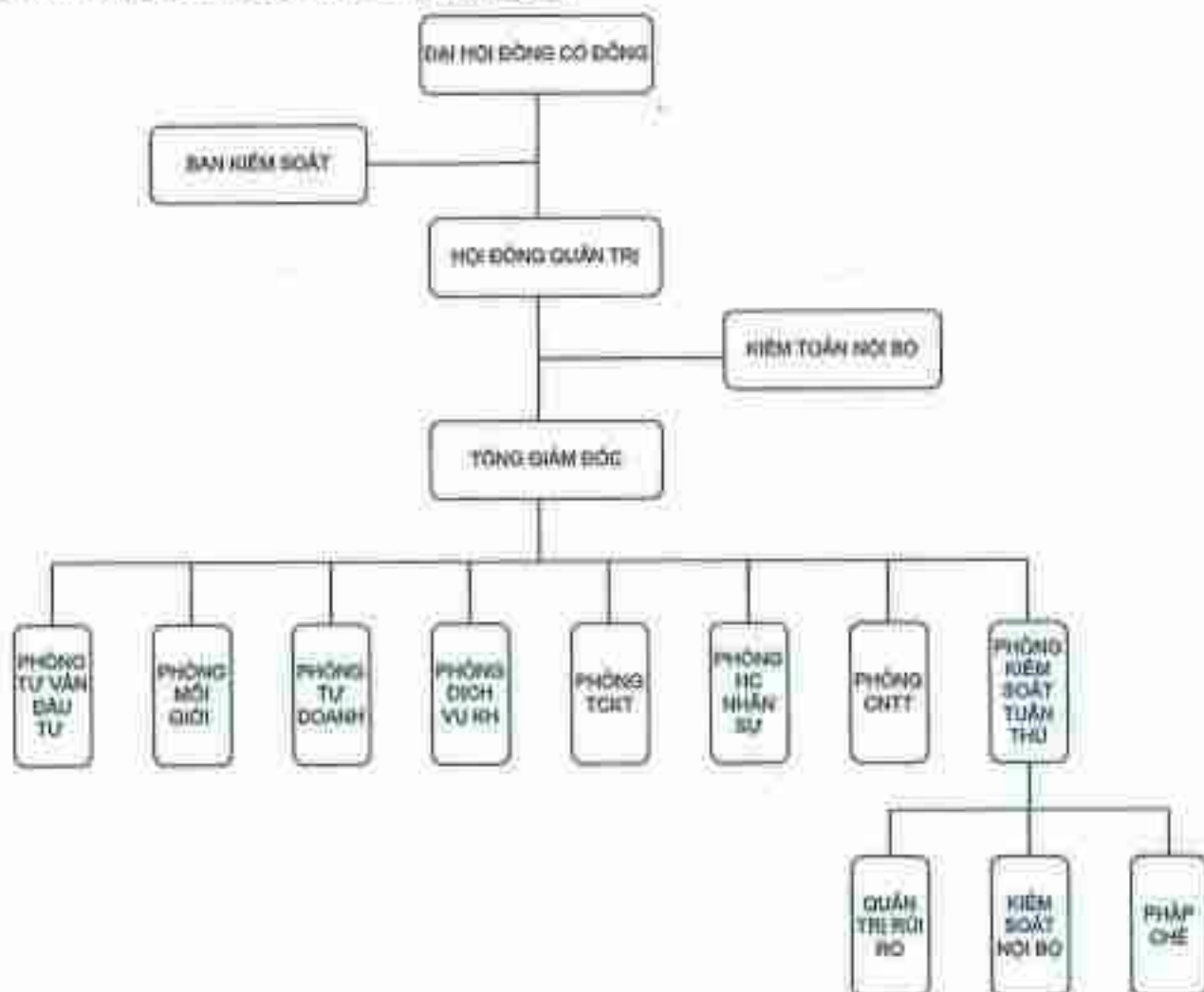
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán
- + Môi giới chứng khoán
- + Tự doanh chứng khoán

- Địa bàn kinh doanh: Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

• **Mô hình quản trị Công ty:** Đại hội đồng-cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng

• **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Gồm Tổng Giám đốc và các phòng ban. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh thông qua việc phân cấp, phân quyền.



- Công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu:

- Trở thành một trong những công ty chứng khoán được khách hàng, nhà đầu tư tin tưởng, lựa chọn.

- Đảm bảo tỷ lệ ATTC, phát triển thêm nghiệp vụ để tăng doanh thu và có lợi nhuận, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tập trung nguồn lực, kêu gọi nhà đầu tư chiến lược tham gia góp vốn và quản lý để phát triển hệ thống hạ tầng hiện tại, xây dựng đội ngũ chuyên viên có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, tận tâm, nhiệt huyết, không ngừng phát triển hệ thống sản phẩm dịch vụ, tiện ích phục vụ thị trường hiện tại và tương lai theo hướng phát triển của nền kinh tế.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến các hoạt động của HVS:

- **Rủi ro về pháp lý:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán – ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán...

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động chứng khoán có thể được sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ nhằm phù hợp với tình hình thực tế của thị trường. Trong trường hợp Công ty không kịp thời cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, Công ty có thể đối mặt với nguy cơ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc các biện pháp chế tài khác theo quy định.

- **Rủi ro lãi suất tiền gửi:** Rủi ro lãi suất tiền gửi phát sinh từ biến động của mặt bằng lãi suất trên thị trường tiền tệ, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn và thu nhập tài chính của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Công ty duy trì nguồn vốn dưới hình thức tiền gửi tại các ngân hàng nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, an toàn vốn và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định. Khi mặt bằng lãi suất tiền gửi giảm, thu nhập từ hoạt động tài chính của Công ty có thể bị suy giảm, qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận chung.

- **Rủi ro về hoạt động:** Rủi ro về hoạt động là rủi ro thường xuyên xuất hiện với bất kỳ doanh nghiệp đang hoạt động, bởi rủi ro này gây ra bởi con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống công nghệ thông tin hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài. Để hạn chế rủi ro này, bộ phận kiểm soát nội bộ định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra việc tuân thủ quy trình của các phòng/bộ phận trong Công ty.

- **Rủi ro khác:** Các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, động đất, hão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu hoạt động	9.748.159.993
2	Lợi nhuận trước thuế	1.636.620.659
3	Lợi nhuận sau thuế	1.441.962.687

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của HVS)

Đến ngày 13/10/2025, Công ty mới hoàn thành việc cấp phép bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán (MGCK) và nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán (TDCK) vào các hoạt động được phép kinh doanh. Và để triển khai được nghiệp vụ MGCK và TDCK, Công ty phải thực hiện thêm các thủ tục khác như: Đăng ký hoạt động lưu ký tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Đăng ký làm thành viên lưu ký tại Trung tâm lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; Đăng ký làm thành viên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; Đăng ký dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến nền hoạt động MGCK và TDCK trong năm 2025 chưa tạo ra doanh thu mà doanh thu chỉ tập trung vào hoạt động tư vấn chứng khoán, lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

2. Tổ chức và nhân sự

• Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP tại HVS
1	Tiền Quốc Việt	Tổng Giám đốc	06/08/2024	0%

Tóm tắt sơ yếu lý lịch:

- Họ và tên: Tiền Quốc Việt
- Giới tính: Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không
- **Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2025:** Không
- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**
 - Tính đến ngày 31/12/2025, số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) của Công ty là 24 người
 - Mức lương bình quân của người lao động năm 2025 là: 12.600.000 đồng/người/tháng
 - Chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo: Công ty luôn quan tâm hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để CBNV được đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Chính sách tiền lương: Người lao động được trả tiền lương theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Tết Dương lịch, Lễ 30/4, ngày 2/9...

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án trong năm

a. Các khoản đầu tư lớn:

Tính đến ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: 248.000.000.000 đồng

b. Công ty con: Không có

c. Công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và năm 2025, tình hình tài chính của HVS như sau:

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	10.917.281.815	262.511.547.087	2305%
Doanh thu thuần	785.021.932	9.748.159.993	1142%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(908.320.625)	1.746.541.746	
Lợi nhuận khác	(209.732.950)	(109.921.087)	
Lợi nhuận trước thuế	(1.118.053.575)	1.636.620.659	
Lợi nhuận sau thuế	(1.118.053.575)	1.441.962.687	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	9,76	243,93	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:	9,76	243,93	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,081	0,004	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,088	0,004	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Vòng quay tổng tài sản:	0,07	0,07	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	(142.42)	14.79	%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	(10.56)	1.06	%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	(10.08)	1.05	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	(115.71)	17.92	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 30.019.598 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0%
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
4	Cổ đông lớn	1	27.261.133	90.81%
5	Cổ đông khác	2	2.758.465	9.19%
Tổng cộng		3	30.019.598	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

STT	Thời gian	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn
Lần 1	T12/2008	50.200.000.000	Góp vốn thành lập
Lần 2	T5/2025	300.195.980.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu

d. Giao dịch cổ phiếu: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tiêu thụ năng lượng:

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh về lĩnh vực chứng khoán, Công ty chủ yếu sử dụng điện tại văn phòng làm việc. Để sử dụng điện một cách hợp lý, hiệu quả, tránh gây lãng phí, thất thoát nguồn điện, Công ty luôn duy trì các hoạt động nâng cao ý thức tiết kiệm điện tại văn phòng.

6.2. Tiêu thụ nước:

Hoạt động hàng ngày Công ty tiêu thụ nước, từ việc sử dụng nước uống đến các mục đích vệ sinh văn phòng. Công ty luôn khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước vì lợi ích và giá trị tinh túy mà nguồn nước đem lại.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động, HVS không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2025, số lượng cán bộ nhân viên của HVS là 24 người

Mức lương bình quân của người lao động là: 12.600.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho CBNV.

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị máy tính cá nhân và các công cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng HCNS có trách nhiệm thường xuyên đơn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động là một phần quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của HVS. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tốt các công việc cho người lao động.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: không có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

Nội Dung	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
Vốn điều lệ	300.200.000.000	300.195.980.000	100%
Doanh thu hoạt động	33.909.000.000	9.748.159.993	29%
Lợi nhuận trước thuế	20.936.000.000	1.636.620.659	8%
Lợi nhuận sau thuế	16.749.000.000	1.441.962.687	9%

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên hơn 300 tỷ đồng theo kế hoạch đề ra.

Về doanh thu hoạt động, HVS chưa thực hiện kinh doanh môi giới chứng khoán và tự doanh mà doanh thu chủ yếu từ hoạt động tư vấn chứng khoán, lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Do đó doanh thu, lợi nhuận năm 2025 chưa đạt được theo kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tính tới thời điểm cuối năm 2025, tổng giá trị tài sản của HVS đạt hơn 262 tỷ đồng, tăng 2305% so với năm 2024. Nguyên nhân dẫn đến việc tài sản tăng cao là do tài sản ngắn hạn năm 2025 tăng so với năm trước.

Tài sản ngắn hạn năm 2025 tăng 2842% so với năm 2024, tăng từ 8 tỷ lên 254 tỷ đồng. Trong đó các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 248 tỷ đồng bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm.

Tài sản dài hạn: Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu liên quan đến các hệ thống công nghệ thông tin giao dịch và các tài sản cố định tại văn phòng. Năm 2025, Công ty đầu tư hệ thống máy chủ, phần mềm Kế toán Bravo, sửa chữa, thi công nội thất văn phòng làm việc làm tăng giá trị tài sản dài hạn từ 2.2 tỷ lên 8.5 tỷ đồng.

b. Tình nợ phải trả

Nợ phải trả ngắn hạn: Nợ ngắn hạn của Công ty đến cuối năm 2025 là hơn 1 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2024. Trong đó các khoản phải trả gồm trả cho nhà cung cấp và trả cho người lao động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Bộ máy hoạt động của Công ty đã được cải tiến, tách bạch theo từng phòng ban chuyên môn. Để tăng tính hiệu quả, tính ứng dụng và phù hợp với các quy định chung của pháp luật và doanh nghiệp, Công ty thường xuyên rà soát điều chỉnh và ban hành các quy chế, quy định nội bộ như quy chế lương, quy chế tuyển dụng, quy trình bổ nhiệm quản lý...

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Năm 2026 sẽ là năm đánh dấu sự phát triển chuyển mình của HVS khi theo đuổi mục tiêu phát triển kinh doanh, xây dựng sản phẩm dịch vụ riêng, mở rộng cơ hội hợp tác với các đối tác.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1. Doanh thu	Triệu đồng	36.269
2. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.926
3. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.941

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện được vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo sát sao các hoạt động chung của Công ty dưới định hướng và quyết định của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc đã có những cố gắng để duy trì hoạt động chung của Công ty trước những khó khăn về tài chính, tổ chức trong nội bộ cũng như những khó khăn từ bên ngoài đối với hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, có một số nội dung công việc triển khai chậm theo kế hoạch, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện thấp so với kế hoạch đã phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.

Năm 2026, HĐQT tập trung vào các công việc như sau:

- Do nhu cầu từ hoạt động thực tế của Công ty, trong năm tới, Hội đồng quản trị tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự và chất lượng hoạt động dịch vụ của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ tập trung vào công tác quản trị nhân sự, đào tạo chuyên sâu, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ;
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình hoạt động, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại HVS	Chức vụ tại tổ chức khác	Tỷ lệ sở hữu CP tại HVS
1	Bà Văn Lê Hằng	Chủ tịch HĐQT	Không	90.81%
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT	Không	4.90%
3	Ông Trịnh Bình Long	Thành viên HĐQT	Không	0%

b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Văn Lê Hằng	16/16	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	16/16	100%	-
3	Ông Trịnh Bình Long	16/16	100%	-

c. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục nâng cao hoạt động giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Các báo cáo định kỳ (Báo cáo tài chính quý, Báo cáo hoạt động tháng, ...) được hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn.
- Các thông tin được công bố và báo cáo đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.
- Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã giành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Qua quá trình giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc năm 2025 đã triển khai nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT; đề xuất các kế hoạch kinh doanh và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ/HĐQT-HVS	06/01/2025	Thông qua việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ công ty; Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu	100%

			nước ngoài sau chào bán; Hồ sơ đăng ký chào bán.	
2	01.1/2025/NQ/HĐQT-HVS	13/01/2025	Thông qua giao dịch với người nội bộ công ty.	
3	02/2025/NQ/HĐQT-HVS	14/02/2025	Thông qua triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự.	100%
4	03/2025/NQ/HĐQT-HVS	20/02/2025	Thông qua việc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2025 thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Ngày chốt danh sách cổ đông tham gia lấy ý kiến.	100%
5	04/2025/NQ/HĐQT-HVS	06/03/2025	Thông qua thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2025.	100%
6	05/2025/NQ/HĐQT-HVS	18/03/2025	Thông qua việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ; Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau chào bán; Hồ sơ đăng ký chào bán.	100%
7	06/2025/NQ/HĐQT-HVS	18/03/2025	Thông qua Thông báo mời họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100%
8	07/2025/NQ/HĐQT-HVS	10/04/2025	Thông qua việc triển khai chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu và Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền.	100%
9	08/2025/NQ/HĐQT-HVS	12/05/2025	Thông qua ban hành Quy định cơ cấu tổ chức Công ty; Quy chế Công bố thông tin.	100%
10	09/2025/NQ/HĐQT-HVS	13/05/2025	Thông qua Ngày kết thúc đợt chào bán; Báo cáo kết quả chào bán.	100%
11	10/2025/NQ/HĐQT-HVS	30/05/2025	Thông qua việc cập nhật nội dung vốn điều lệ mới tại Điều lệ công ty sau khi thực hiện tăng vốn.	100%
12	11/2025/NQ/HĐQT-HVS	11/06/2025	Thông qua việc triển khai Hồ sơ đăng ký bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán, nghiệp vụ Tự	100%

			đánh chứng khoán và Hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.	
13	12/2025/NQ/HĐQT-HVS	18/06/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị ký kết Hợp đồng kiểm toán các báo cáo năm 2025.	100%
14	13/2025/NQ/HĐQT-HVS	01/08/2025	Thông qua bổ nhiệm Người phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ công ty.	100%
15	14/2025/NQ/HĐQT-HVS	30/09/2025	Thông qua miễn nhiệm Người phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ công ty và bổ nhiệm người phụ trách mới.	100%
16	15/2025/NQ/HĐQT-HVS	01/10/2025	Thông qua miễn nhiệm kế toán trưởng và bổ nhiệm người phụ trách kế toán công ty.	100%

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Tỷ lệ sở hữu CP tại HVS
1	Bà Mai Ngọc Anh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 06/08/2024	0%
2	Ông Dư Bá Phước	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 06/08/2024	0%
3	Bà Ngô Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025	0%
4	Bà Vũ Thị Hòa	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Ngọc Anh	4/4	100%	100%	-
2	Ông Dư Bá Phước	4/4	100%	100%	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Nhung	1/4	25%	25%	-
4	Bà Vũ Thị Hòa	3/4	75%	75%	-

Nội dung cuộc họp:

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

- Thực hiện công việc kiểm soát thường xuyên và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định.

- Thực hiện các công tác kiểm soát khác theo quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Thù lao Tổng Giám đốc: 522.426.668 đồng

- Thù lao Hội đồng quản trị: không

- Thù lao Ban kiểm soát: không

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Tại Phụ lục 01 đính kèm báo cáo này

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định hiện hành

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán được đính kèm báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Lưu: VT, CBTT.



PHỤ LỤC 01

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Bà Văn Lê Hằng	Người nội bộ Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.			Hợp đồng ký vào ngày 14/01/2025. Nghiệm thu và thanh lý vào ngày 29/04/2025.	Nghị quyết của Hội đồng quản trị số: 01./1/2025/NQ/HĐQT-HVS ngày 13/01/2025.	Công ty Cổ phần chứng khoán HVS Việt Nam cung cấp dịch vụ tư vấn tư vấn đầu tư chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Bà Văn Lê Hằng. Giá trị giao dịch: 1,2 tỷ đồng.	



CÔNG TY CỔ
PHẦN
CHỨNG
KHOÁN HVS
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT
NAM
DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN HVS VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0306353700
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.24 16:25:55+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

[Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam]

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Văn Lê Hằng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Trịnh Bình Long	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Mai Ngọc Anh	Trưởng ban
Ông Dự Bà Phước	Thành viên
Bà Võ Thị Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/4/2025)
Bà Ngô Thị Hồng Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tiên Quốc Việt	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Văn Lê Hằng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306353760 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/12/2008 và lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 08/11/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trong yếu tố với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 01/2025/UQC/THBQT-HVS ngày 17/9/2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Số: 32/2026/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*V/V: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam*****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính***

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo được trình bày từ trang 06 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỰ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 4.10 "Vốn chủ sở hữu", theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 08/2024/TT-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND vào ngày 12/5/2025. Theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn sửa đổi, bổ sung ngày 02/12/2025 do Công ty công bố, tính đến thời điểm lập báo cáo, Công ty đã giải ngân một phần số tiền thu được (3.995.980.000 VND) cho các hoạt động hợp pháp khác theo phương án đã được phê duyệt. Đối với phần vốn chưa sử dụng đến (cụ thể phần bổ cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ), Công ty đang tạm thời duy trì dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và số dư trên tài khoản thanh toán nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ giải ngân. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lê Đại Dương
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4850-2026-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Vũ Tất Ban
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.942.679.295	8.632.799.914
I. Tài sản tài chính	110		252.738.863.188	8.437.867.704
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	251.000.901.552	7.583.247.704
1.1. Tiền	111.1		3.000.901.552	7.583.247.704
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		248.000.000.000	-
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
3. Các khoản phải thu	117		1.045.561.636	-
3.1. Phải thu và dự thu có lãi, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4.2	1.045.561.636	-
3.1.1. Dự thu có lãi, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.045.561.636	-
3. Trả trước cho người bán	118	4.3	692.400.000	354.320.000
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	600.000.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.203.816.107	195.232.210
1. Tạm ứng	131		224.440.600	160.461.853
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.4	979.375.607	34.770.357
E. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.568.867.792	2.284.481.901
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.044.705.895	1.143.932.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	5.611.840.512	1.143.932.522
Nguyên giá	222		6.609.035.896	1.193.440.246
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(797.195.454)	(49.507.724)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	232.864.583	-
Nguyên giá	228		285.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(52.135.417)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	4.7	836.500.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		1.687.662.597	1.140.549.379
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	4.8	602.801.600	602.801.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.4	1.084.861.097	537.747.779
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	290		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.511.547.687	10.917.281.615

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.041.029.688	884.707.083
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.041.029.688	884.707.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.9	342.585.623	474.250.464
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		74.801.050	23.744.806
3. Phải trả người lao động	323		588.703.385	305.942.075
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		539.800	539.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		32.400.000	75.822.139
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		2.000.000	4.408.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.10	261.470.517.419	10.032.574.732
I. Vốn chủ sở hữu	410		261.470.517.419	10.032.574.732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.195.980.000	50.200.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	417		(38.725.462.581)	(40.167.425.268)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.511.547.087	10.917.281.815

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	005		30.019.598	5.020.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
			-	-



Trần Quốc Việt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
 Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		5.1	9.748.159.993	785.021.932
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		6.848.159.993	285.021.932
1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	03		2.900.000.000	500.000.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		9.748.159.993	785.021.932
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	5.2	1.428.670.392	122.414.575
Cộng chi phí hoạt động	40		1.428.670.392	122.414.575
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cố tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		36.702.003	5.868.674
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		36.702.003	5.868.674
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG			-	-
61			-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	5.3	6.609.649.858	1.576.796.656
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		1.746.541.746	(908.320.625)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	31		500.000	200.000
8.2. Chi phí khác	32		110.421.087	210.532.950
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(109.921.087)	(209.732.950)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) TRƯỚC THUẾ	90	5.4	1.636.620.659	(1.118.053.575)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		194.657.972	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	5.4	194.657.972	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) SAU THUẾ TNDN	200		1.441.962.687	(1.118.053.575)
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU				
PHỔ THÔNG	500		1.441.962.687	(1.118.053.575)
13.1. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.10.4	68,59	(222,72)
13.2. Thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		68,59	(222,72)



Tiền Quốc Việt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
 Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	5.4	1.636.620.659	(1.118.053.575)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.6	769.823.147	49.507.724
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(36.702.003)	(5.868.674)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		2.369.741.803	(1.074.414.525)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	10.800.000.000
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(1.045.561.636)	180.197.261
- Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		500.000.000	(500.000.000)
- (Tăng) các khoản phải thu khác	39		(478.558.647)	(94.684.853)
- (Tăng) các tài sản khác	40		-	(602.801.600)
- (Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(43.422.139)	(9.044.861)
- (Tăng) chi phí trả trước	42		(1.491.718.568)	(556.016.707)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(150.000.000)	-
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45		(297.439.758)	87.107.964
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	440.000
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		6.398.283	23.744.805
- Tăng phải trả người lao động	48		282.751.310	277.142.075
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50		(2.408.000)	4.408.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(350.207.352)	8.536.077.559
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(6.264.820.803)	(1.138.617.746)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		36.702.003	5.868.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(6.228.118.800)	(1.132.749.072)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	4.10	249.995.980.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		249.995.980.000	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		243.417.653.848	7.403.328.487
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	7.583.247.704	179.919.217
Tiền	101.1		7.583.247.704	179.919.217
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	251.000.901.552	7.583.247.704
Tiền	103.1		3.000.901.552	7.583.247.704
Các khoản tương đương tiền	103.2		248.000.000.000	-

PHÂN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MA số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
II. Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng				
III. Tiền và cả khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công vụ, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ số	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 01/01/2024	Năm 2025		Năm 2024		Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.10	50.200.000.000	50.200.000.000	349.965.960.000	-	-	-	900.166.960.000	50.200.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.200.000.000	50.200.000.000	249.995.030.000	-	-	-	300.195.980.000	50.200.000.000
2. (Lũ) Mỹ kế		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	1.441.962.987	-	(1.119.053.575)	-	(38.725.462.581)	(40.167.425.268)
2.1. (Lũ) Mỹ kế		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	1.441.962.987	-	(1.119.053.575)	-	(38.725.462.581)	(40.167.425.268)
Cộng		10.032.574.732	11.150.628.307	251.437.942.987	-	(1.119.053.575)	-	261.470.517.418	10.032.574.732
II. Thu nhập toàn diện khác									
Lain (từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán)									
Cộng									



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Năm
Người lập

Treasurer
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 13/10/2025 theo Giấy phép điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306353700 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/12/2008 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 08/11/2025 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mới nhất là 300.195.980.000 VND, chia thành 30.019.598 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động chứng khoán được đặt tại Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 24 người (tại ngày 01/01/2025 là 19 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Về việc tăng vốn điều lệ và tiến độ sử dụng vốn: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TTr-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền vào ngày 12/5/2025. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2025, vốn điều lệ của Công ty được nâng từ 50.200.000.000 VND lên 300.195.980.000 VND. Căn cứ theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn sửa đổi, bổ sung công bố ngày 02/12/2025, Công ty đã giải ngân 3.995.980.000 VND cho các hoạt động hợp pháp khác theo phương án đã được phê duyệt. Phần vốn huy động chưa sử dụng đến được Công ty tạm thời chuyển sang các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và duy trì trên tài khoản thanh toán tại ngân hàng nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ tiếp tục giải ngân cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ.

Về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 110/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/10/2025, Công ty đã được chấp thuận bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mới, bao gồm nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Phần mềm;
- Chi phí trả trước khác.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc, thiết bị	03

3.7 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Doanh thu hoạt động

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

3.11 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí quản lý công ty chứng khoán phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý công ty chứng khoán (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty chứng khoán; Chi phí công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty chứng khoán; thuế môn bài; Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách).

3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.13 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 15% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Hoạt động kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	3.000.901.552	7.583.247.704
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.031.456	1.031.456
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	2.764.522.932	6.274.056.722
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	235.347.164	1.308.159.526
Các khoản tương đương tiền (i)	248.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	133.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	105.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.000.000.000	-
Cộng	251.008.901.552	7.583.247.704

(i) Thông tin chi tiết của các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Lãi suất (%)	Thời hạn gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	133.000.000.000	4,5 - 4,75	Từ 01 tháng đến 02 tháng
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	105.000.000.000	4,5	02 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.000.000.000	4,75	02 tháng

4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (i)	1.045.561.636	-
Cộng	1.045.561.636	-

(i) Đây là lãi dự thu của các khoản tương đương tiền được trình bày tại Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho bán thứ ba		
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	660.000.000	242.000.000
Công ty CP Phần mềm Bravo	-	76.500.000
Các đối tượng khác	32.400.000	35.820.000
Cộng	692.400.000	354.320.000

4.4 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.225.967	6.518.322
Bản quyền, phần mềm	176.400.068	4.293.000
Chi phí vận hành máy chủ	262.395.913	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	538.353.659	24.958.035
Cộng	979.375.607	34.770.357
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	607.242.110	515.581.664
Chi phí sửa chữa văn phòng	341.117.812	-
Phần mềm	13.396.900	16.177.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	123.102.276	4.008.325
Cộng	1.084.861.097	537.742.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các quyết định này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	86.223.102	1.107.217.144	1.193.440.246
Mua sắm	-	5.415.595.720	5.415.595.720
Tại ngày 31/12/2025	86.223.102	6.522.812.864	6.609.035.966
HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	287.410	48.220.314	49.507.724
Khấu hao	17.242.764	730.444.955	747.687.730
Tại ngày 31/12/2025	17.530.174	779.665.260	797.195.454
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	85.935.692	1.057.996.830	1.143.932.522
Tại ngày 31/12/2025	68.692.928	5.743.147.584	5.811.840.512

4.6 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000	30.000.000
Mua sắm	255.000.000	255.000.000
Tại ngày 31/12/2025	285.000.000	285.000.000
HAO MÓN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000	30.000.000
Khấu hao	22.135.417	22.135.417
Tại ngày 31/12/2025	52.135.417	52.135.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	232.864.583	232.864.583

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 30.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 30.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	836.500.000	-
Hệ thống phần mềm máy tính	836.500.000	-
Cộng	836.500.000	-

4.8 Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô (i)	697.801.800	597.801.800
Công ty CP Di chuyển xanh và Thông minh (GSM) (Xanh SM)	5.000.000	5.000.000
Cộng	602.801.800	602.801.800

(i) Đây là khoản tiền đặt cọc tiền thuê văn phòng tại Tầng 4, Khối 5 tầng của Trung tâm thương mại Dịch vụ Công Vị tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội theo Phụ lục số 05, kèm theo Hợp đồng số 08C/2024/HBTMB/ĐĐ-HVS ngày 23/11/2024, kỳ hạn 05 năm kể từ ngày 01/11/2024.

4.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô	10.657.913	263.032.702
Công ty CP Công nghệ và Thương mại Nam Hải	-	60.272.300
Công ty CP Xây dựng và Nội thất Nhị Hà	-	55.088.620
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	179.038.910	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	93.528.000	-
Viễn thông Hà Nội - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính	42.484.200	-
Viễn thông Việt Nam	15.578.800	95.858.642
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	342.585.623	474.260.464

Toàn bộ các khoản phải trả người bán trên là số Công ty có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.10. Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	50.200.000.000	(39.049.371.693)	11.150.628.307
(Lỗ) trong năm	-	(1.118.053.075)	(1.118.053.075)
Tại ngày 31/12/2024	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Tại ngày 01/01/2025	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Góp vốn (i)	249.995.980.000	-	249.995.980.000
Lãi trong năm	-	1.441.962.667	1.441.962.667
Tại ngày 31/12/2025	300.195.980.000	(38.725.462.581)	261.470.517.419

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TT-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, nâng tổng số vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng vào ngày 12/5/2025. Căn cứ theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán sửa đổi, bổ sung công bố ngày 02/12/2025, Công ty đã sử dụng 3.995.980.000 VND để thanh toán các chi phí triển khai hệ thống phần mềm, liên thuế vận phòng và chi phí nhân sự. Số tiền chưa sử dụng đến được Công ty tạm thời chuyển sang các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và duy trì trên tài khoản thanh toán nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trong thời gian chờ đáp ứng giải ngân cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch kỳ quỹ theo phương án đã phê duyệt.

4.10.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Bà Viên Lê Hằng	272.611.330.000	90,81	45.567.180.000	90,81
Bà Ngô Thị Thủy	14.709.600.000	4,60	2.459.800.000	4,90
Bà Lê Như Hoa	12.875.050.000	4,29	2.153.020.000	4,29
Cộng	300.195.980.000	100	50.200.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.10. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.10.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	<u>CỔ PHIẾU</u>	<u>CỔ PHIẾU</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.10.4 Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.962.687	(1.118.053.575)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.022.490	5.020.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>68,69</u>	<u>(222,72)</u>

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Doanh thu hoạt động

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Từ tài sản tài chính HTM (i)	6.848.159.993	285.021.932
Từ cung cấp dịch vụ tư vấn chứng khoán (ii)	2.900.000.000	500.000.000
Cộng	9.748.159.993	785.021.932

(i) Đây là lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn được trình bày tại Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền".

(ii) Đây là doanh thu từ các hợp đồng tư vấn chứng khoán ký với các khách hàng cá nhân.

5.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (i)	1.428.670.392	122.414.575
Cộng	1.428.670.392	122.414.575

(i) Đây là các chi phí nhân viên thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

5.3 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.582.305.079	1.060.733.868
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	220.755.627	45.029.812
Chi phí khấu hao tài sản	769.823.147	49.507.724
Thuế và các khoản lệ phí	40.000.000	3.000.000
Chi phí thuê văn phòng	1.648.338.278	283.032.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.309.130.407	49.470.000
Chi phí khác bằng tiền	51.297.320	99.952.519
Cộng	6.609.649.858	1.576.798.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản nợ không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lợi/lỗ theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận/lỗ kế toán trước thuế	1.636.620.859	(1.118.063.575)
Các khoản điều chỉnh	110.421.087	232.963.222
Chi phí không được trừ	110.421.087	232.963.222
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.747.041.746	(885.090.353)
Chuyển lỗ tính thuế của năm trước (i)	(449.321.930)	-
Thu nhập tính thuế của năm	1.297.719.816	(885.090.353)
Thuế suất (%) (ii)	15%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	194.657.972	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	194.657.972	-
Thuế TNDN phải nộp đều năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(150.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	44.657.972	-

(i) Theo Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra của Thanh tra thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2025, số lỗ tính thuế năm 2024 của Công ty được chuyển sang năm sau là 449.321.930 VND.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Công ty áp dụng mức thuế suất trong năm 2025 là 15% do cơ sở tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 03 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

8.5. Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày
				01/01/2025 VND			31/12/2025 VND
2024	2029	Đã QT	449.321.930	449.321.930	449.321.930	-	-
Cộng lỗ tính thuế			449.321.930	449.321.930	449.321.930	-	-

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo biên bản quyết toán thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

8.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	3.990.975.471	1.189.208.473
Chi phí thuê văn phòng	1.648.338.278	263.032.704
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	220.755.027	45.028.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.823.147	49.607.724
Thuế và các khoản lệ phí	48.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.130.407	49.470.000
Chi phí khác bằng tiền	51.297.920	99.982.518
Cộng	8.038.320.250	1.699.211.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.881.082.368	1.498.489.344
Trên 01 năm đến 05 năm	6.854.791.680	8.735.874.048
Cộng	8.735.874.048	10.234.363.392

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 408 m² tại Tầng 4, Khối 5 tầng của tòa nhà Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội với giá thuê được mô tả tại bảng dưới đây. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với Công ty Cổ phần Đông Đô, thời hạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2029.

Giai đoạn	Giá thuê (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)
Năm thứ 1 (từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2025)	119.550.320
Năm thứ 2 (từ ngày 01/11/2025 đến ngày 31/10/2026)	151.443.072
Năm thứ 3 (từ ngày 01/11/2026 đến ngày 31/10/2027)	183.325.824
Năm thứ 4 (từ ngày 01/11/2027 đến ngày 31/10/2028)	199.267.200
Năm thứ 5 (từ ngày 01/11/2028 đến ngày 31/10/2029)	219.193.820

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

Cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Văn Lê Hằng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.200.000.000	-
Tư vấn đầu tư chứng khoán	1.200.000.000	-
Cộng	1.200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Nhận vốn góp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nhận vốn góp	249.995.980.000	-
Bà Văn Lê Hằng	227.024.150.000	-
Bà Ngô Thị Thủy	12.249.800.000	-
Bà Lê Như Hoa	10.722.030.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	-
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát	-	-
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	522.426.898	233.090.000
Ông Trần Quốc Việt	522.426.898	163.090.000
Bà Phạm Thị Giang	-	70.000.000
Cộng	522.426.898	233.090.000

Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

6.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

6.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Trần Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
Người lập